

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN MIỄN HỌC, MIỄN THI, CDR NGOẠI NGỮ CHUYÊN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2018-2019
KHOA SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

(Ban hành theo Quyết định số: 990 /QĐ-ĐT ngày 03 /5/2019)

| TT | MSV | Họ và tên sinh viên | Ngày sinh | Khóa | Ngành | Công nhận | | | | | Đối tượng | Ghi chú |
|----|----------|----------------------|------------|-------|---------|-------------|-------------|----------------|-----------------|-----|-------------|---------|
| | | | | | | Miễn học HP | Điểm ghi HP | Miễn thi HP | Điểm ghi thi HP | CDR | | |
| 1 | 17041397 | Nguyễn Tuấn Hưng | 24.06.1999 | 17E1 | SPA CLC | | | 4A, 4B | | C1 | IELTS - 8.0 | |
| 2 | 17040044 | Lê Thị Thu Uyên | 15.08.1999 | 17E1 | SPA CLC | | | 4A, 4B | | C1 | IELTS - 8.0 | |
| 3 | 17040132 | Lưu Lan Phương | 26.04.1999 | 17E1 | SPA CLC | | | 4A, 4B | | C1 | IELTS - 8.0 | |
| 4 | 17040365 | Hồ Thị Minh Anh | 21.11.1999 | 17E9 | SPA | | | 4C | | C1 | VSTEP - 9.0 | |
| 5 | 17041398 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 27.04.1999 | 17E1 | SPA CLC | | | 4A, 4B | | C1 | VSTEP - 9.5 | |
| 6 | 17040103 | Trịnh Như Phương | 02.02.1999 | 17E2 | SPA CLC | | | 4A, 4B | | C1 | VSTEP - 9.5 | |
| 7 | 18040032 | Phạm Hồng Anh | 12.06.2000 | 18E2 | SPA CLC | | | 2A, 2B | | C1 | IELTS - 7.0 | |
| 8 | 18040149 | Phạm Thị Vân Anh | 17.03.2000 | 18E2 | SPA CLC | | | 2A, 2B | | C1 | IELTS - 7.0 | |
| 9 | 18040038 | Trần Vũ Hải Dương | 09.10.2000 | 18E2 | SPA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B | | C1 | IELTS - 7.5 | |
| 10 | 18041515 | Nguyễn Minh Châu | 18.01.2000 | 18E20 | NNA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B | | C1 | IELTS - 7.5 | |
| 11 | 18040013 | Nguyễn Hoài Anh | 12.01.2000 | 18E1 | SPA CLC | | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 12 | 18040090 | Lê Huyền Linh | 10.02.2000 | 18E1 | SPA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B | | C1 | VSTEP - 9.0 | |
| 13 | 18040063 | Trần Minh Thảo | 23.06.2000 | 18E1 | SPA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B | | C1 | VSTEP - 9.0 | |
| 14 | 18040034 | Nguyễn Vân Linh | 02.07.2000 | 18E1 | SPA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B | | C1 | VSTEP - 9.0 | |
| 15 | 18040024 | Trần Thị Hải Anh | 21.10.2000 | 18E1 | SPA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B | | C1 | VSTEP - 9.0 | |

| TT | MSV | Họ và tên sinh viên | | Ngày sinh | Khóa | Ngành | Công nhận | | | | | Đối tượng | Ghi chú |
|----|-----------|---------------------|-------|------------|-------|---------|-------------|-------------|------------------------|-----------------|-----|-------------|---------|
| | | | | | | | Miễn học HP | Điểm ghi HP | Miễn thi HP | Điểm ghi thi HP | CDR | | |
| 16 | 18040173 | Đỗ Phương | Thảo | 24.02.2000 | 18E1 | SPA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B | | C1 | VSTEP - 9.0 | |
| 17 | 18041610 | Chu Thành | Đạt | 04.12.2000 | 18E2 | SPA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B | | C1 | VSTEP - 9.0 | |
| 18 | 18040030 | Ngô Ngọc | Mai | 10.02.2000 | 18E1 | SPA CLC | | | 2A, 2B, 3A, 3B, 4A, 4B | | C1 | VSTEP - 9.5 | |
| 19 | 18041514 | Phùng Phương | Anh | 02.11.2000 | 18E11 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | IELTS - 7.0 | |
| 20 | 18041626 | Lê Thu | Trang | 18.02.2000 | 18E5 | SPA | 3C, 4C | | 2A, 2B | | C1 | IELTS- 7.5 | |
| 21 | 18041611 | Trần Thu | Giang | 14.11.2000 | 18E6 | SPA | 3C, 4C | | 2A, 2B | | C1 | IELTS- 7.5 | |
| 22 | 180400354 | Nguyễn Thị Thu | Huyền | 31.05.2000 | 18E11 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 23 | 18040467 | Nguyễn Thị Thu | Cúc | 24.03.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 24 | 18040476 | Bùi Bích | Hạnh | 18.07.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 25 | 18040409 | Đỗ Thị Thùy | Trang | 21.08.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 26 | 18040444 | Hà Phương | Chi | 21.08.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 27 | 18040447 | Hà Thị Thu | Hương | 12.07.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 28 | 18040356 | Nguyễn Thị Thu | Trang | 31.05.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 29 | 18040401 | Nguyễn Thị Hải | Quỳnh | 19.10.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 30 | 18040573 | Nguyễn Thị | Hằng | 29.02.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 31 | 18040459 | Bùi Thị Thu | Hường | 11.10.2000 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 32 | 18040443 | Nguyễn Anh | Chi | 08.02.1999 | 18E13 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 33 | 18040424 | Lý Thu | Hằng | 22.01.2000 | 18E15 | NNA | 3C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 8.5 | |
| 34 | 18040397 | Trần Thái | Hà | 18.02.2000 | 18E11 | NNA | 3C, 4C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 9.0 | |
| 35 | 18040406 | Nguyễn Thị Bích | Ngọc | 26.06.2000 | 18E13 | NNA | 3C, 4C | | 2A, 2B | | C1 | VSTEP - 9.0 | |
| 36 | 15041115 | Lương Tuyết | Nhung | 21.06.1997 | 15E11 | NNA | | | | | C1 | IELTS 7.5 | |

| TT | MSV | Họ và tên sinh viên | Ngày sinh | Khóa | Ngành | Công nhận | | | | | Đối tượng | Ghi chú |
|----|----------|---------------------|------------|-------|---------|-------------|-------------|-------------|-----------------|-----|---------------|---------|
| | | | | | | Miễn học HP | Điểm ghi HP | Miễn thi HP | Điểm ghi thi HP | CDR | | |
| 37 | 15040290 | Trần Thị Hoàng Anh | 29.10.1997 | 15E12 | NNA | | | | | C1 | IELTS 7.5 | |
| 38 | 15044934 | Hồ Ngọc Khánh | 02.09.1997 | 15E4 | SPA | | | | | C1 | IELTS 7.5 | |
| 39 | 15042669 | Đỗ Hồng Ngọc | 22.09.1997 | 15E9 | SPA | | | | | C1 | IELTS 7.5 | |
| 40 | 15040731 | Trần Mỹ Linh | 13.03.1997 | 15E2 | SPA | | | | | C1 | IELTS 8.0 | |
| 41 | 15040783 | Phạm Minh Phương | 31.08.1997 | 15E12 | NNA | | | | | C1 | TOEFL iBT 114 | |
| 42 | 16042165 | Nguyễn Hoàng Giang | 18.08.1998 | 16E23 | NNA | 3B | | 2B | | C1 | IELTS 7.0 | |
| 43 | 16040238 | Phạm Thị Cát Linh | 11.06.1998 | 16E13 | NNA | | | | | C1 | IELTS 7.5 | |
| 44 | 17040128 | Trần Thúy Hằng | 12.10.1998 | 17E1 | SPA CLC | | | 4A, 4B | | C1 | TOEFL iBT 111 | |
| 45 | 16040315 | Nguyễn Cẩm Nhung | 05.10.1998 | 16E11 | NNA | | | | | C1 | | |

Danh sách này có 45 sinh viên.

TL/ HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

đã ký

Nguyễn Thúy Lan